

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giang Văn Thảo.

Ông Lê Tất Kề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K; ĐKHKTT: Khu 6, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn C; cư trú tại: Tổ dân phố số 13, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Chu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993 nhưng do mất giấy tờ nên đến năm 2001 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại phường N, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng

hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp. Năm 2010, chị và anh C đã bàn bạc, chuyển cả gia đình về H sinh sống, chị đưa hai con về trước, anh C ở lại giải quyết công việc sẽ về sau. Tuy nhiên, sau đó anh C không về H sống cùng mẹ con chị mà ở lại H tổ chức đám cưới với người phụ nữ khác; từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Chu Văn C được ly hôn.

Chị và anh C có hai con chung là Chu Thị T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1994 và Chu Hồng N, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2005. Con chung Chu Thị T hiện đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Chu Hồng N, hiện đang sống cùng chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo; vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cháu Hồng N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung, giữa chị và anh Chiến không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Văn C trình bày:

Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh và chị K không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tính cách và quan điểm sống. Khoảng 05 năm nay, chị K đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở H sinh sống, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị K có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị K.

Anh và chị K có hai con chung như chị K đã trình bày. Con chung Chu Thị T, sinh năm 1994, hiện đã thành niên. Đối với con chung Chu Hồng N, sinh năm 2005, đang sống cùng chị K; vì vậy, chị K có trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cháu và anh không phải đóng góp tiền nuôi con.

Giữa anh và chị K không có tài sản chung.

Theo Biên bản xác minh ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Tổ Dân phố nơi chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C cư trú:

Anh Chu Văn C và chị Nguyễn Thị K đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn làm ảnh hưởng đến hàng xóm, láng giềng. Khoảng 05 năm nay, chị K đã bỏ về quê. Nay chị K có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2010, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, cho chị K được ly hôn với anh Chu Văn C.

Chị K và anh C có hai con chung; trong đó con chung Chu Thị T đã thành niên; đối với con chung Chu Hồng N, hiện đang sống cùng chị K, anh C cũng đồng ý giao cháu N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K, giao con chung là Chu Hồng N, sinh năm 2005 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Văn C đang sinh sống tại tổ dân phố số 13, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Chu Văn C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Chu Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H vào ngày 27 tháng 8 năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị K đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2010, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Nguyễn Thị K xin được ly hôn với anh Chu Văn C là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Con chung của chị K và anh C là Chu Thị T đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với con chung Chu Hồng N hiện đang sống cùng chị K; anh C đồng ý giao cháu N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K, giao con chung Chu Hồng N, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Chu Văn C phải đóng góp tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Chu Hồng N, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Chu Văn C phải đóng góp tiền nuôi con nên không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị K và anh Chu Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị K đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016103 ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp